

TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2021

(Căn cứ Phụ lục số XXV kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. Thông tin về quỹ

1. Tên của quỹ, loại hình quỹ:

- Tên quỹ: **Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN**
- Sau đây gọi tắt là “**Quỹ**” hoặc “**DFVN-FIX**”
- Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ DFVN-FIX hướng tới mục tiêu tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn thông qua việc đầu tư vào các tài sản thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

3. Thời hạn hoạt động của quỹ: không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không áp dụng

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

Như đã được đề cập trong Bản cáo bạch, Quỹ đầu tư chủ yếu vào tài sản có thu nhập cố định với mục tiêu chính là tăng trưởng giá trị vốn trong giai đoạn trung và dài hạn. Do đó, Quỹ có hạn chế trong việc chia cổ tức hàng năm. Việc phân phối lợi nhuận (nếu có) sẽ dựa trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Quỹ trong khuôn khổ quy định của pháp luật, theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ, và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Việc chi trả lợi nhuận bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Mức chi trả lợi nhuận phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ Quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi nhuận phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
- Trường hợp phân phối lợi nhuận bằng chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán

hoặc soát xét.

Hình thức phân phối lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị chứng chỉ Quỹ phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ). Chỉ những nhà đầu tư có tên trên danh sách nhà đầu tư sở hữu đơn vị chứng chỉ Quỹ tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức từ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi thực hiện không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2021: 6,239,853.68 đơn vị quỹ

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

Điều lệ Quỹ DFVN-FIX sửa đổi, bổ sung lần thứ 1 đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua vào ngày 22/04/2021.

Các nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ DFVN-FIX được trình bày chi tiết tại *Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX* ký ngày 30/03/2021 đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <https://www.dfvn.com.vn/investor-relations/information-disclosure/dfvn-fix/>; trong đó nội dung thay đổi của Điều lệ Quỹ chủ yếu là phù hợp với Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, Thông tư 98/2020/TT-BTC, Thông tư 99/2020/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Các nội dung sau đây đã được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của Nhà đầu tư khi Công ty Quản lý Quỹ không tổ chức Đại hội Nhà đầu tư Lần đầu cho Quỹ DFVN-FIX:

- Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ DFVN-FIX;
- Thông qua việc chỉ định Công ty Quản lý Quỹ là Công ty TNHH Một Thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“DFVN”);
- Thông qua việc chỉ định Ngân hàng Lưu ký, Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và thông qua Hợp đồng Giám sát;
- Thông qua Danh sách các Thành viên Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2021-2023 gồm có
 - (i) Ông Đỗ Hùng Việt,
 - (ii) Ông Huỳnh Văn Dũng và
 - (iii) Ông Nguyễn Gia Huy Chương;

Bổ nhiệm ông Đỗ Hùng Việt giữ chức Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ nhiệm kỳ 2021-2023

Thông qua mức thù lao Ban Đại diện Quỹ 3,000,000 VNĐ/tháng/người;

- Thông qua danh sách 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, E&Y và PWC thực hiện kiểm toán hàng năm; và ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ lựa chọn 01 (một) trong 03 (ba) Công ty Kiểm toán KPMG, E&Y và PWC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính đầu tiên của Quỹ DFVN-FIX.

- Thông qua việc ủy quyền cho DFVN được ký các Hợp đồng cung cấp dịch vụ Lưu ký, Giám sát, Quản trị Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng và các hợp đồng cung cấp dịch vụ khác có liên quan cho Quỹ DFVN-FIX.

Vào ngày 22/04/2021, Đại hội Nhà đầu tư đã thông qua Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư với nội dung như sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ DFVN-FIX.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát (“NHGS”) về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“thông tư 98”): Công ty TNHH một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam (“CTQLQ”) đã thực hiện nghiêm chỉnh việc lập và gửi các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên và năm của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu DFVN (“DFVN-FIX”) theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ:

- Danh mục của Quỹ DFVN-FIX:

Cơ cấu tài sản quỹ	31/12/2021 (%)
1. Danh mục chứng khoán cơ cấu	9.49%
2. Tiền và các khoản tương đương tiền	41.58%
3. Tài sản khác	48.93%
Cộng	100.00%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ:

Chỉ tiêu	31/12/2021
Giá trị tài sản ròng của quỹ (VND)	63,074,823,316
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	10,108.38
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	6,239,853.68
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ (VND/CCQ)	10,108.38
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ (VND/CCQ)	9,982.19

- Tổng lợi nhuận của quỹ cho giai đoạn từ ngày 4/2/2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31/12/2021

Chỉ tiêu (Đơn Vị tính: VND)	31/12/2021
Tổng thu nhập của Quỹ	2,122,150,254
- Tiền lãi được nhận	2,118,133,284
- Các khoản thu nhập khác trong kỳ	4,016,970
Tổng chi phí của Quỹ	1,446,112,847

Tổng lợi nhuận của Quỹ	676,037,407
-------------------------------	--------------------

- Lợi nhuận phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo: Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận trong kỳ báo cáo.

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và Tốc độ vòng quay danh mục cho giai đoạn từ ngày 4/2/2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31/12/2021:

CHỈ TIÊU	Năm 2021
Tỷ lệ phí quản lý trả cho công ty quản lý quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.90%
Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.58%
Tỷ lệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà công ty quản lý quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan trên Giá trị tài sản ròng của quỹ trung bình trong kỳ (%)	0.66%
Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.23%
Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0.17%
Tỷ lệ chi phí hoạt động trên Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2.57%
Tốc độ vòng quay danh mục	5.32%

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau, các giao dịch repo/reverse repo: không có

2. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tính từ khi thành lập Quỹ ngày 4/2/2021, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 1.08%.

3. Các chỉ tiêu khác (cho giai đoạn từ ngày 4/2/2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31/12/2021)

Chỉ tiêu	Năm 2021
1. Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)	
<i>Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)</i>	
<i>Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)</i>	
2. Thay đổi quy mô Quỹ trong giai đoạn chào bán lần đầu ra công chúng (tính theo mệnh giá CCQ)	
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong giai đoạn chào bán lần đầu ra công chúng (CCQ)</i>	6,017,350.00
<i>Giá trị vốn góp phát hành trong giai đoạn chào bán lần đầu ra công chúng (theo mệnh giá) (VND)</i>	60,173,500,000
3. Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)	
<i>Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)</i>	373,721.93

Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	3,737,219,300
Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(151,218.25)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(1,512,182,500)
4. Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)	
Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	62,398,536,800
	6,239,853.68
Tổng số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	
5. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ	96.92%
6. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ	98.11%
7. Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ	96.16%
8. Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ	611
9. NAV/CCQ cuối kỳ (VND)	10,108.38

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác. Phương pháp xác định giá trị tài sản được quy định trong Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban Đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra, rà soát bởi Ngân hàng giám sát.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: giá chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức dịch vụ cung cấp báo giá độc lập, uy tín trên thị trường.

4. Khuyến cáo: Thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho Nhà đầu tư trong tương lai.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ: *Quỹ không có thay đổi Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ báo cáo;*

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ): *Không áp dụng*

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): *không áp dụng do Quỹ không có chỉ số tham chiếu, danh mục tham chiếu cụ thể.*

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ DFVN-FIX giữ nguyên chiến lược đầu tư đã công bố trong Bản cáo bạch của Quỹ và dự kiến

sẽ nâng cao tỷ trọng đầu tư vào các Trái phiếu doanh nghiệp có lợi suất cao và các chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính có lãi suất cao.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo: *không áp dụng do Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 04/02/2021*

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phân lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: *không áp dụng do Quỹ mới thành lập và đi vào hoạt động từ ngày 04/02/2021*

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)..

Năm 2021 được xem là năm đầy khó khăn của xã hội và nền kinh tế Việt Nam. Trước tác động của dịch bệnh, kinh tế gần như tê liệt vì bị phong tỏa triệt để trong gần 4 tháng (từ tháng 6 đến tháng 10) tại hầu hết các địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam như TP.HCM, Đồng Nai, Bình Dương.

Sau khi triển khai tiêm chủng quy mô toàn quốc, vấn đề dịch bệnh Covid-19 của Việt Nam gần như được kiểm soát, nền kinh tế được kỳ vọng phục hồi và tăng trưởng mạnh trở lại trong năm 2022. Chính Phủ đã ban hành nghị quyết phát triển kinh tế năm 2022, với mục tiêu tăng trưởng kinh tế từ 6%-6.5%. Các tổ chức quốc tế như IMF cũng dự báo kinh tế Việt Nam sẽ tăng trưởng vào khoảng 6.6% trong năm 2022. Tuy nhiên việc các rủi ro trong nước như lạm phát, nợ xấu của hệ thống Ngân hàng, các rủi ro khác từ thế giới có thể tác động tiêu cực lên nền kinh tế Việt Nam và cần được kiểm soát. Các khó khăn này là thách thức cho Chính Phủ trong việc ổn định vĩ mô, tăng trưởng kinh tế trong năm 2022.

Năm 2021, thị trường trái phiếu Chính phủ diễn biến sôi động trên cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, lợi suất giao dịch thiết lập mức đáy mới, giảm mạnh từ 70 – 130 bps đối với các kỳ hạn dưới 10 năm và giảm từ 90 – 130 bps với các kỳ hạn từ 10 năm trở lên. Đây là mức thấp nhất trong lịch sử thị trường trái phiếu chuyên biệt.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành trong nước đạt 595 nghìn tỷ đồng, tăng 38% so với năm 2020. Bên cạnh đó, năm 2021 là năm chứng kiến nhiều quy định mới liên quan đến thị trường trái phiếu, đặc biệt là đối với trái phiếu doanh nghiệp. Kênh trái phiếu đang ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc khai thông nguồn vốn của doanh nghiệp, khi tín dụng ngân hàng trung và dài hạn khó có dư địa tăng trưởng mạnh để đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp. Ngoài ra, chủ trương chung của các cơ quan chính sách trong đó có Ngân hàng nhà nước vẫn là ưu tiên kênh vốn trung và dài hạn qua kênh Trái phiếu doanh nghiệp và qua huy động trên thị trường cổ phiếu.

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp hiện nay vẫn còn chịu tác động của Covid-19 làm ảnh hưởng tạm thời đến dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Do đó, nhu cầu tái cấu trúc kỳ hạn nguồn vốn nợ vay theo hướng dài hạn hơn để phù hợp với dòng tiền kỳ vọng từ kinh doanh là rất lớn.

Ở góc độ Cầu, nhu cầu đầu tư và sở hữu trái phiếu doanh nghiệp cũng sẽ tăng lên trong môi trường lãi suất ở mức thấp kỷ lục và được kỳ vọng sẽ tiếp tục duy trì trong một vài năm tới do chính sách nới lỏng tiền tệ nhằm thúc đẩy kinh tế của các nước.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): *Quỹ không thực hiện*

chia tách đơn vị quỹ trong kỳ

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ:

Quyền lợi của Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ như theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản Cáo bạch.

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan:

Quỹ không có thực hiện hoạt động đầu tư, giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ và người có quyền lợi liên quan; ngoại trừ giao dịch Chứng chỉ Quỹ của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (các giao dịch này được công bố thông tin, báo cáo theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán), các khoản chi phí phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản Cáo bạch.

m) Các thông tin khác (nếu có).

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát cho giai đoạn từ ngày 04/02/2021 đến ngày 31/12/2021:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: *Không có.*

2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) mở:

2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: *Không có.*

2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: *Không có.*

3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: *không có.*

4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: *không có.*

Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Kỳ giao dịch CCQ đầu tiên của Quỹ được thực hiện vào ngày: 23/02/2021

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại ngày kết thúc IPO và theo giấy phép của Quỹ: 6,017,350 CCQ

Tổng số chứng Quỹ phát hành thêm trong kỳ: 373,721.93 CCQ

Tổng số chứng Quỹ mua lại trong kỳ : 151,218.25 CCQ

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2021 : 6,239,853.68 CCQ

5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: *không có*

6. Các hoạt động khác:

Trong khoảng thời gian Quỹ DFVN-FIX mới nhận được Giấy phép thành lập Quỹ từ ngày 04/02/2021 cho đến ngày 22/02/2021, Quỹ có phát sinh một số sai lệch về hạn chế đầu tư với chi tiết cụ thể như sau:

(i) Từ ngày 04/02/2021 và cho đến ngày 08/02/2021, Quỹ DFVN-FIX chưa tiến hành hoạt động

đầu tư nào do CTQLQ cần thời gian để xin ý kiến BDD Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi, sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá. Do vậy, tại kỳ báo cáo xác định GTTSR của Quỹ chốt ngày 08/02/2021, Quỹ DFVN-FIX chưa tuân thủ quy định tại điều 2.14 của thông tư 98/2020/TT-BTC ("thông tư 98"): "Quỹ trái phiếu là quỹ đầu tư vào các loại trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ, tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ 80% giá trị tài sản ròng trở lên". Theo ghi nhận của chúng tôi, vào ngày 17/02/2021 (ngày làm việc đầu tiên sau nghỉ Tết Âm lịch 2021 theo quy định), Quỹ DFVN-FIX đã tiến hành đặt tiền gửi tại ngân hàng HSBC nằm trong danh sách được BDD Quỹ phê duyệt với tỉ lệ đầu tư chiếm 83.15% GTTSR của Quỹ tại ngày 08/02/2021, tuân thủ đúng quy định tại điều 2.14 của thông tư 98 về Quỹ trái phiếu.

(ii) Khoản đầu tư vào tiền gửi tại Ngân hàng HSBC tại ngày 17/02/2021 nêu trên của Quỹ DFVN-FIX chưa tuân thủ quy định tại điều 35.4.c của thông tư 98: "Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành, tiền gửi các ngân hàng thương mại và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ". Sai lệch này phát sinh phù hợp với quy định tại điều 35.5.d của thông tư 98: "Do Quỹ mới được cấp giấy phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ". Tại kỳ báo cáo xác định GTTSR của Quỹ DFVN-FIX ngày 22/02/2021, tỉ lệ đầu tư vào tiền gửi tại ngân hàng HSBC chiếm 82,99% tổng giá trị tài sản của Quỹ.

Tại các kỳ báo cáo có phát sinh các sai lệch nêu trên, chúng tôi đã gửi thông báo đến CTQLQ và yêu cầu CTQLQ có biện pháp khắc phục sai lệch để đảm bảo tuân thủ đúng quy định tại thông tư 98.

Theo ghi nhận của chúng tôi, vào ngày 24/02/2021, khoản tiền gửi tại Ngân hàng HSBC đáo hạn và Quỹ DFVN-FIX đã đặt tiền gửi vào năm (05) ngân hàng thương mại nằm trong danh sách được BDD Quỹ phê duyệt với tỉ lệ đầu tư không quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ tại mỗi ngân hàng và Quỹ DFVN-FIX đã tuân thủ theo đúng quy định tại thông tư 98 và điều lệ Quỹ.

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

1. Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ cho giai đoạn từ ngày 4/2/2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31/12/2021:

Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền	Tỷ lệ so với lợi nhuận	Tỷ lệ so với thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động
Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	26.96%	8.59%	12.60%
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	28.24%	9.00%	13.20%

2. Việc đăng ký sở hữu tài sản: *không áp dụng*

3. Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: *Không có*

4. Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ):

Chi phí các hoạt động ủy quyền bao gồm dịch vụ Quản trị Quỹ và dịch vụ Đại lý chuyển nhượng phải trả cho bên nhận ủy quyền – Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) từ ngày 04/02/2021 đến 31/12/2021 như sau:

Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở (VND)	182,241,362
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng (VND)	190,901,549
Tổng cộng (VND)	373,142,911

5. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Công ty cho rằng dịch vụ Quản trị Quỹ, Đại lý Chuyển nhượng của Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) vẫn đáp ứng theo yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền cung cấp các dịch vụ Quản trị Quỹ và Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ Đầu tư Trái phiếu DFVN (DFVN-FIX) được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

**Tổng Giám đốc Công Ty TNHH MTV
Quản Lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Trần Châu Danh